

# PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG MỘT SỐ NƯỚC ASEAN – BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Nguyễn Quyết Thắng<sup>1</sup>

## Tóm tắt

*Phát triển du lịch sinh thái (DLST) dựa vào cộng đồng không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch, đem lại lợi ích cho cộng đồng mà còn làm cho du lịch phát triển bền vững hơn. Trong thời gian vừa qua, nhiều nước ASEAN đã đẩy mạnh việc phát triển loại hình du lịch này và thu được nhiều thành công đáng khích lệ. Thông qua phương pháp tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, phương pháp điều tra; bài viết này nhằm đúc kết một số kinh nghiệm phát triển DLST cộng đồng tại một số nước ASEAN và đánh giá thực trạng phát triển DLST dựa vào cộng đồng ở nước ta, để từ đó rút ra bài học và đề xuất một số công tác gồm: xây dựng các quy hoạch, mang lại lợi ích của cộng đồng, thiết lập mô hình quản lý phù hợp, hỗ trợ công tác đào tạo nghề cho cộng đồng, nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với cộng đồng và các mặt công tác khác... nhằm thúc đẩy hoạt động DLST dựa vào cộng đồng tại nước ta phát triển mạnh mẽ hơn trong thời gian sắp đến.*

**Từ khóa:** *Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, kinh nghiệm phát triển, các nước Asean, bài học cho Việt Nam.*

## Abstract

*Community-based ecotourism (Ecotourism) development not only contributes to improving tourism performance, benefits the community but also makes tourism more sustainable. In recent years, many ASEAN countries have promoted the development of this type of tourism and achieved many encouraging results. Through the method of synthesis, research documents and method of investigation, this article aims to summarize some experiences of community ecotourism development in ASEAN countries and assess the current situation of community-based ecotourism development in Vietnam in order to draw lessons and propose some tasks such as setting up the plans, benefit the community, establishing the appropriate management models, supporting to vocational training for communities, enhance corporate responsibility of enterprises with the*

---

<sup>1</sup> Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech), Email: [nq.thang@hutech.edu.vn](mailto:nq.thang@hutech.edu.vn); [thang1410@gmail.com](mailto:thang1410@gmail.com)

*community etc... to promote community-based ecotourism in our country in the coming time.*

**Keys words:** *community-based ecotourism, development experience, Asian countries, lessons for Vietnam.*

## **1. Giới thiệu**

Phát triển du lịch sinh thái (DLST) dựa vào cộng đồng (*Community-based ecotourism*) đang ngày càng được quan tâm và khuyến khích phát triển tại nhiều quốc gia, trong đó có các nước ASEAN. Việc phát triển DLST dựa vào cộng đồng (*gọi tắt là du lịch sinh thái cộng đồng*) không chỉ đóng góp vào sự phát triển hoạt động du lịch, đem lại lợi ích cho cộng đồng mà còn đảm bảo cho DLST phát triển bền vững hơn (Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Văn Hóa, 2012). Đây cũng là xu hướng khá phổ biến trong việc tổ chức triển khai các dự án DLST trên thế giới ngày nay.

Có rất nhiều quan điểm và nhận thức về DLST dựa vào cộng đồng; theo tổ chức “Responsible Ecological Social Tours” (REST) thì “Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng là phương thức tổ chức du lịch đề cao về môi trường, văn hóa xã hội. Nó do cộng đồng sở hữu và quản lý và cho phép khách du lịch nâng cao nhận thức và học hỏi về cộng đồng, về cuộc sống đời thường của họ” (REST, 1997). Có thể hiểu một cách khái quát nhất: Du lịch sinh thái cộng đồng là loại hình du lịch do cộng đồng tổ chức, dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa với mục tiêu bảo vệ môi trường. Nó đề cao sự trao quyền cho cộng đồng, đem lại lợi ích rộng rãi và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng (Sproule & Suhadi, 1998). Với khách du lịch, DLST cộng đồng tạo cơ hội tìm hiểu, nâng cao nhận thức về môi trường và giao lưu văn hoá, trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của cộng đồng.

Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (*Association of Southeast Asian Nations, viết tắt là ASEAN*) là một liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, bao gồm 10 nước thành viên. Asean chiếm diện tích đất 4,46 triệu km<sup>2</sup>, là 3% tổng diện tích đất của Trái Đất, và có một dân số khoảng 600 triệu người, chiếm 8,8% dân số thế giới. Đây được coi là khu vực có tiềm năng và thế mạnh để phát triển hoạt động DLST, với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng, phong phú. Nhiều quốc gia trong khối Asean đã phát triển mạnh hoạt động du lịch như Indônêsi, Thái Lan, Malaysia v.v... trở thành những điểm đến du lịch hấp dẫn trên thế giới. Riêng đối với hoạt động DLST dựa vào cộng đồng, kinh nghiệm từ các quốc gia này rất đáng để Việt Nam học hỏi vì các quốc gia ASEAN có điều kiện về địa lý, tự nhiên và văn hóa xã hội khá tương đồng với Việt Nam. Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập quốc tế việc nghiên cứu kinh nghiệm phát triển hoạt động du lịch từ các quốc gia này sẽ giúp Việt Nam có những chính sách và biện pháp phù hợp hơn nhằm đẩy mạnh năng lực cạnh tranh điểm đến so với các nước trong khu vực. Cũng phải nói thêm rằng nhiều quốc gia ASEAN cũng

đã từng phải đối đầu với các vấn đề về việc phát triển DLST không bền vững như tàn phá môi trường và hệ sinh thái trong một thời gian dài v.v. Chính vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước này để áp dụng vào Việt Nam là rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Là một quốc gia được đánh giá có hoạt động du lịch đang phát triển, hoạt động DLST ở Việt Nam trong những năm gần đây rất khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc phát triển hoạt động DLST theo đánh giá vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước và đã bắt đầu bộc lộ những yếu kém, gây tác động xấu đến môi trường, cảnh quan. Do vậy, nhằm thúc đẩy sự phát triển DLST bền vững thì việc nghiên cứu để đề ra các giải pháp phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại Việt Nam là rất cần thiết. Đã có một số nghiên cứu liên quan về vấn đề này tại Việt Nam như của Trần Thị Mai (2005), Nguyễn Quyết Thắng (2010), Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Văn Hóa (2012) và các nghiên cứu phát triển DLST cộng đồng tại các điểm tài nguyên. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chủ yếu đi vào giới thiệu lý luận hoặc khái quát hoạt động DLST cộng đồng tại một số điểm tài nguyên, địa phương hay kinh nghiệm của một quốc gia cụ thể. Chưa có một nghiên cứu nào nhằm tổng hợp thực tiễn phát triển DLST cộng đồng trong khu vực ASEAN một cách hệ thống và khảo sát đánh giá thực trạng nhằm đưa ra đề xuất phát triển DLST cộng đồng cho Việt Nam. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này chúng tôi cố gắng tổng hợp, phân tích thực tiễn, đánh giá một số thực trạng chủ yếu và đưa ra những bài học kinh nghiệm từ các nước ASEAN, để đề xuất giải pháp nhằm phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.

## 2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

*Về dữ liệu nghiên cứu:* Bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được lấy từ kinh nghiệm triển khai DLST cộng đồng tại một số quốc gia ASEAN và số liệu từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Du lịch, các địa phương và một số nguồn khác. Nguồn số liệu sơ cấp là số liệu của nhiều cuộc điều tra gồm: Điều tra 12 chuyên gia là cán bộ nghiên cứu, quản lý du lịch, quản lý điểm tài nguyên và lãnh đạo doanh nghiệp du lịch năm 2016 về mức độ phát triển của DLST cộng đồng. Điều tra về thu nhập từ du lịch tại 04 điểm tài nguyên có phát triển hoạt động DLST tại 03 miền Bắc – Trung – Nam, gồm Bản Lác (Hòa Bình), thôn Lập An (Lăng Cô - TT.Huế); Vùng biển Cửa Đại (Hội An); khu vực Cù Lao Thờ Sơn (Tiền Giang).

$$\text{Số phiếu được tính theo công thức: } n = \frac{Ns^2 \times Z^2}{N \times \Delta^2 x + s^2 \times Z^2}$$

(Trong đó:  $N$ : Tổng số hộ tại điểm điều tra (1690 hộ); độ tin cậy = 95% nên  $Z = 1,96$ ;  $\Delta x$  trong phạm vi cho phép = 5%;  $s$ : là độ lệch chuẩn lấy theo phương sai thường được sử dụng trong các cuộc điều tra du lịch tại nước ta).

Với công thức trên số mẫu tối thiểu cần điều tra là 188 hộ, tuy nhiên nghiên cứu đã điều tra với số mẫu lớn là 314 hộ năm 2015 – 2016.

*Về phương pháp nghiên cứu:* Phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong bài viết là phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp thống kê, khảo sát. Ngoài ra, bài viết còn sử dụng phương pháp điều tra hộ và điều tra chuyên gia.

### **3. Một số kinh nghiệm về phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng trong khu vực Asean**

#### **3.1. Trao quyền rộng hơn cho cộng đồng tham gia vào quy hoạch du lịch sinh thái**

Một trong những công tác trọng tâm để có thể tổ chức có hiệu quả hoạt động DLST đó là việc triển khai công tác quy hoạch DLST dựa vào cộng đồng. Cộng đồng được tham gia ngay từ khâu quy hoạch DLST. Tại Indônêsi, Cục Quản lý Tác động Môi trường (viết tắt BAPEDAL) được thành lập cũng đã đề ra nhiều chính sách và phát triển một số quy hoạch DLST gắn với cộng đồng để làm mẫu. Một loạt các cuộc họp về qui hoạch và định hướng có sự tham gia của cộng đồng đã bao quát nhiều vấn đề: từ những quan điểm về DLST và bảo vệ môi trường, đến quản lý và phân phối thu nhập, đào tạo và các vấn đề khác... (Manurung, 2002). Tại các khu vực phát triển DLST, cộng đồng ngày càng được trao quyền rộng hơn có tiếng nói quan trọng trong các quy hoạch DLST (Sproule & Suhadi, 1998). Dựa vào chương trình nghị sự toàn cầu 21 năm 1992 và nguyên tắc chỉ đạo chung cho sự phát triển du lịch trong nước, Bộ Môi trường Indônêsi đã soạn thảo một báo cáo cấp quốc gia, được gọi là: Chương trình nghị sự 21 – Indônêsi. Trong 05 nguyên tắc thì có một nguyên tắc rất quan trọng liên quan đến quy hoạch DLST gắn với cộng đồng với ba (03) yêu cầu quan trọng thể hiện tại Bảng 1.

**Bảng 1. Một số yêu cầu quy hoạch du lịch sinh thái gắn với cộng đồng tại Indônêsi**

<b>STT</b>	<b>Nguyên tắc</b>
<b>1. Yêu cầu 1</b>	Thiết lập mối liên kết với các cộng đồng địa phương trong quá trình quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái
<b>2. Yêu cầu 2</b>	Thông báo rõ ràng và trung thực cho cộng đồng địa phương về mục đích và ý đồ phát triển trên khu vực
<b>3. Yêu cầu 3</b>	Dành cho cộng đồng địa phương quyền tự do chấp nhận hay từ chối các dự án phát triển du lịch sinh thái trong khu vực

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Chương trình nghị sự 21 – Indônêsi, 2010*

#### **3.2. Phát triển du lịch sinh thái phải gắn với việc mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương**

Nguyên tắc quan trọng trong phát triển DLST của nhiều quốc gia ASEAN hiện nay là cộng đồng không chỉ được trao quyền trong việc ra quyết định mà phải được hưởng lợi ích từ DLST. Tại Thái Lan, Cục Du lịch Thái Lan (TAT) đã soạn thảo một kế hoạch tổng thể phát triển du lịch trên toàn quốc, trong đó quan điểm mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương được nhấn mạnh (Thavarasukha, 2002). Các dự án phát triển DLST tại Thái Lan đều đặt mục tiêu quan trọng trong việc dựa vào cộng đồng địa phương. Trong tất cả các văn bản của các cấp chính quyền ở Thái Lan có liên quan đến phát triển DLST đều có nhấn mạnh đến phải dựa vào cộng đồng địa phương, mang lại lợi ích cho cộng đồng (Thavarasukha, 2002).

**Bảng 2. Một số nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng tại Thái Lan**

STT	Nguyên tắc
1. Nguyên tắc 1	Du lịch sinh thái quản lý phải liên quan đến người dân địa phương trong quá trình phát triển đặc biệt là trong việc chuyển giao văn hóa cộng đồng. Điều này bao gồm sự tham gia của họ trong xây dựng kế hoạch phát triển.
2. Nguyên tắc 2	Du lịch sinh thái phải đẩy mạnh phát triển giáo dục và tạo ra các nhận thức để duy trì hệ sinh thái của khu vực, thay vì chỉ khai thác tăng trưởng kinh tế.
3. Nguyên tắc 3	Tận dụng nguồn lực và vật liệu tại địa phương, cung cấp sản phẩm cho ngành du lịch, bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn văn hóa địa phương
4. Nguyên tắc 4	Các tổ chức có liên quan phải được cụ thể vai trò của họ trong việc thúc đẩy du lịch sinh thái, phải mang lại lợi ích cho cộng đồng.
5. Nguyên tắc 5	Một kế hoạch du lịch sinh thái nên được kết hợp ở cấp huyện, cấp tỉnh và cấp khu vực cùng với phân bổ ngân sách đầy đủ

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nguyên tắc chỉ đạo phát triển du lịch sinh thái tại Thái Lan*

Tại Campuchia - đất nước có sự phát triển du lịch mạnh mẽ thời gian gần đây, được sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, Bộ Du lịch Campuchia (Ministry of Tourism of Cambodia) đã triển khai nhiều dự án DLST gắn với cộng đồng nhằm mục đích mang lại lợi ích cho cộng đồng và bảo tồn tài nguyên văn hóa và tự nhiên tại khu vực. Cụ thể tại dự án DLST cộng đồng làng Koh Pdao và Sampin, huyện Sambo thuộc tỉnh Kratie. Đây là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và có 405 gia đình sinh sống với 2066 người (Su Mao, 2008). Được sự hỗ trợ của tổ chức Oxpham, tổ chức Cambodian Rural Development Team (CRDT) đã phối hợp với hội đồng xã để xúc tiến thành lập các tổ chức xã hội dân sự (CSO). Một ban điều hành cộng đồng được thành lập mang tên “Koh Pdao Mekong Eco-Tourism Committee” với 51 thành viên trong đó có 34 phụ nữ để điều hành hoạt động DLST cộng đồng (Su Mao, 2008). Đến với khu vực này, du khách có thể tìm hiểu về đời sống người dân Khmer và thưởng thức điệu múa Khmer truyền thống hoặc chuẩn bị các món ăn Khmer địa phương, đi dạo trong làng hay vào rừng, tham gia vào các hoạt động của dự án như đào ao cá, ao ếch, chơi thể thao (bóng đá hoặc bóng chuyền) với trẻ em hoặc dạy tiếng Anh cho trẻ em địa phương... Sau một vài năm phát triển DLST cộng đồng, phúc lợi và cuộc sống của người dân nơi đây đã thay đổi nhanh chóng, trở thành một điểm đến hấp dẫn cho du khách tại đất nước chùa tháp.

### **3.3. Xây dựng các mô hình quản lý của cộng đồng phù hợp cho phát triển du lịch sinh thái**

Để triển khai tốt hoạt động DLST cộng đồng thì cần phải có mô hình quản lý phù hợp. Các mô hình được xây dựng thường được xem xét dựa trên quy mô, đặc tính văn hóa và các đặc trưng của vùng điều quan trọng là phải lôi kéo và mang lại lợi ích cho hầu hết các hộ dân địa phương. Tại dự án phát triển DLST tại vườn Quốc gia (VQG) Gunung Halimum (Tây Java - Indônêxia), với mục tiêu phát triển là bảo tồn và sử dụng bền vững tính đa dạng sinh học trên cơ sở trao quyền cho cộng đồng địa phương. Người ta đã thành lập một tổ chức cộng đồng địa phương (KSM). KSM có một hội đồng các ủy viên (*bao gồm đại diện các làng nghề, địa phương của chính phủ, phi chính phủ, và đại diện VQG*). Trong đó, cộng đồng địa phương đã

được chủ động bầu ra một ban điều hành gồm: một nhà lãnh đạo (ketua), thư ký, thủ quỹ v.v... được lập ra để điều hành hoạt động. Kiểu hoạt động này giống như hợp tác xã ở Việt Nam. KSM cùng với các tổ chức khác cũng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường thông qua việc tuyên truyền cho du khách, cộng đồng địa phương bằng các tài liệu quảng cáo, trekking, các bản đồ, video v.v. Số liệu thu được cho thấy dự án ở Gunung Halimun trong năm 1998 đã thu hút 80% khách du lịch trong nước và 20% khách quốc tế. Thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình được chia từ 11% lợi tức của KSM khoảng Rupiad 178.000/gia đình/năm (Dalem, 2002).

Tại dự án Umphang (Thái Lan), nằm ở tỉnh Tak (khoảng 600 km từ Bangkok), từ tháng 3/1995 người ta đã triển khai 13 dự án thuộc bảy kế hoạch để thúc đẩy và phát triển du lịch sinh thái Umphang. Trong đó, người ta đã xây dựng các kế hoạch để thành lập các cộng đồng địa phương và hội gia đình làm nghề phục vụ du lịch tại dự án này như các hội gia đình phục vụ lưu trú, ăn uống, hàng thủ công truyền thống, biểu diễn văn hóa truyền thống v.v... (Thavarasukha, 2002).

### ***3.4. Triển khai các chương trình đào tạo du lịch sinh thái cho cộng đồng***

Thực tiễn triển khai DLST dựa vào cộng đồng trên thế giới đã chỉ ra vai trò quan trọng của việc đào tạo nghề cho cộng đồng địa phương. Điều này sẽ giúp trao quyền cho cộng đồng có thể tham gia và hưởng lợi từ DLST. Tại Thái Lan, người ta đã triển khai các kế hoạch hành động cho DLST rất cụ thể, trong đó tập trung vào các kế hoạch đào tạo nghề du lịch và phát triển nghề thủ công phục vụ du lịch như: kế hoạch phát triển nhân sự cho DLST; chương trình đào tạo nghề phục vụ du lịch; chương trình phát triển nghề thủ công v.v. Các kế hoạch trên được triển khai cụ thể cho từng điểm tài nguyên, đặc biệt là những dự án thí điểm về DLST (Thavarasukha, 2002).

Tại Malaysia, Bộ Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch (Ministry of Culture, Arts and Tourism) đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hoạt động DLST. Bộ này đã phối hợp với các bộ khác cùng các tổ chức phi chính phủ triển khai các chính sách và hoạt động đào tạo nghề cho cộng đồng. Tại các dự án như dự án của Malaysia cộng đồng được hưởng lợi từ việc đào tạo các kiến thức về bảo vệ tài nguyên môi trường, ngoại ngữ, đào tạo nghề v.v... (Yasak, 1998).

### ***3.5. Lôi kéo các doanh nghiệp du lịch, các cơ quan và tổ chức quan tâm đến việc phát triển DLST cộng đồng***

Một trong những thành công của nhiều nước ASEAN như Thái Lan, Indônêsi, Malaysia... là đã lôi kéo được các doanh nghiệp du lịch, hiệp hội, các tổ chức xã hội quan tâm và có trách nhiệm trong việc phát triển DLST cộng đồng. Tại nhiều nước, bên cạnh những cơ chế bắt buộc người ta còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng như: tuyển người địa phương vào làm việc, khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm do địa phương sản xuất v.v... Một ví dụ cụ thể là tại "Sua Bali" (Gianyar, Bali - Indônêsi) – Một khu du lịch nhỏ đã nhận được giải thưởng du lịch có trách nhiệm với xã hội tại

Berlin (Đức) năm 1996. Đến với “Sua Bali” ngoài việc thư giãn, du khách còn có thể học tiếng Inđô cũng như nghệ thuật truyền thống của Bali như: nghề thủ công, khắc gỗ, nấu ăn v.v. Họ được coi là một phần của cộng đồng, đôi lại họ phải tặng 1 USD để bảo tồn khi đến làng (Dalem, 2002). Khu du lịch Sua Bali là hình mẫu trong việc tạo sự hưởng lợi cho cộng đồng của doanh nghiệp. Đây là bài học cho Việt Nam trong việc phát triển DLST cộng đồng.

### **3.6. Làm tốt các mặt công tác khác**

Nhằm thúc đẩy việc phát triển DLST cộng đồng, kinh nghiệm của nhiều quốc gia người ta còn làm tốt rất nhiều mặt công tác khác như *công tác đầu tư, công tác quảng bá cho du lịch sinh thái, phát triển các sản phẩm, dịch vụ DLST gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa của địa phương v.v...* nhằm làm cho DLST phát triển hiệu quả và vững hơn.

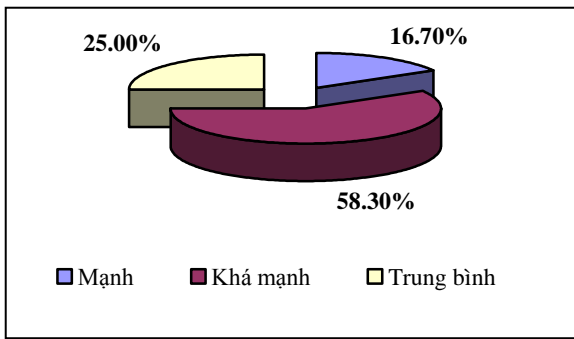
## **4. Bài học kinh nghiệm và đề xuất cho việc phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Việt Nam**

### **4.1. Thực trạng hoạt động du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại Việt Nam**

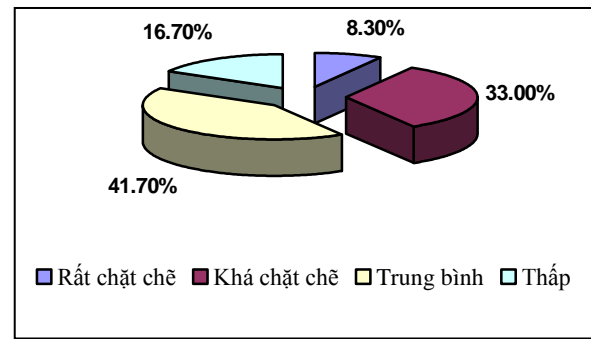
Ở Việt Nam, hoạt động DLST đang có chiều hướng phát triển mạnh và đã được xác định chiếm vị trí quan trọng đối với nhiều địa phương. Tuy nhiên, sự phát triển đó chưa tương xứng với tiềm năng sinh thái ở Việt Nam. Đến thời điểm này vẫn chưa có số liệu thống kê chính thức về số lượng du khách DLST tại Việt Nam một cách đầy đủ. Chỉ có một số điểm tài nguyên và địa phương bắt đầu triển khai công tác thống kê này. Do đó rất khó trong việc nghiên cứu xu hướng, cơ cấu và luồng phân bố khách DLST tại Việt Nam.

Theo tổng hợp số liệu của Nguyễn Quyết Thắng và Lê Hữu Ảnh (2012) tại 06 địa phương vùng miền Trung từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi để nghiên cứu xu hướng phát triển lượng khách trong vùng. Số lượng khách DLST năm 2010 là 2372,5 lượt khách, chiếm 22% so với lượng khách du lịch đến vùng thì đến năm 2012 số liệu này là 3.146 khách, chiếm 29,8% so với lượng khách du lịch đến vùng. Mặc dù chưa hoàn toàn đầy đủ nhưng phần nào đó cho chúng ta thấy được xu hướng khách DLST đang tăng nhanh trong những năm qua.

Một trong những vấn đề quan trọng đảm bảo cho DLST cộng đồng phát triển bền vững đó là trao quyền rộng cho cộng đồng địa phương. Người dân địa phương phải được tham gia và có tiếng nói ngay từ khâu quy hoạch đến tổ chức thực hiện và giám sát. Nhưng cho đến thời điểm này tại Việt Nam vẫn chưa có một chính sách quy định cụ thể về việc tham gia của cộng đồng địa phương vào công tác quy hoạch và xây dựng đề án phát triển DLST cộng đồng... Qua khảo sát thực tế tại một số điểm tài nguyên của chúng tôi, việc triển khai các quy hoạch hay xây dựng các đề án chủ yếu do địa phương xây dựng trên cơ sở có sự tham vấn ý kiến của cộng đồng. Tuy nhiên, hình thức này chưa đủ mạnh để gắn kết và ràng buộc chặt chẽ vai trò của địa phương trong công tác quy hoạch.



Hình 1. Mức độ phát triển của DLST cộng đồng  
 Nguồn: Số liệu điều tra, 2016



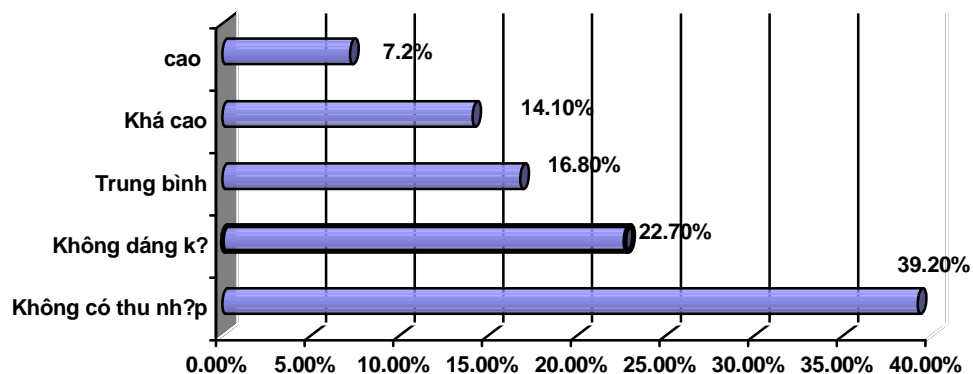
Hình 2. Mức độ gắn kết giữa doanh nghiệp với cộng đồng địa phương  
 Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

Kết hợp với cuộc điều tra 12 chuyên gia về phát triển du lịch bền vững tại một số địa phương ở Việt Nam năm 2016, chúng tôi đã gửi kèm trong bảng hỏi về đánh giá của các chuyên gia mức độ phát triển của DLST cộng đồng và sự gắn kết của doanh nghiệp với cộng đồng. Kết quả được thể hiện bằng Hình 1 và Hình 2.

Qua số liệu điều tra trên đã cho thấy: Hoạt động của DLST cộng đồng tại Việt Nam đã có sự phát triển khá mạnh trong những năm gần đây. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia mức độ gắn kết của các doanh nghiệp với cộng đồng vẫn chưa thể hiện rõ nét, đa số là ở mức trung bình và mức thấp.

Để đi tìm hiểu sâu hơn về lợi ích đem lại cho cộng đồng, vào năm 2015 và 2016 chúng tôi đã tiến hành điều tra 314 hộ tại 04 điểm tài nguyên có phát triển hoạt động DLST trong khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Kết quả điều tra cho thấy: 7,2% trả lời có thu nhập từ du lịch là cao; 14,1% trả lời khá cao; 13,6% trả lời trung bình; 16,7% không đáng kể; còn lại là hầu như không có thu nhập từ du lịch. Hầu hết các hộ có thu nhập từ du lịch đều không “bóc tách” được cụ thể thu nhập của mình (Hình 3).

Hình 3. Thu nhập từ du lịch đối với các hộ dân



Nguồn: điều tra của tác giả năm 2015, 2016

Số liệu điều tra trên cho thấy: Số hộ có thu nhập từ du lịch ở mức trung bình đến mức cao có cao hơn so với điều tra năm 2010 của chúng tôi tại một số điểm tài nguyên vùng du lịch Bắc Trung Bộ. Điều tra năm 2010 cho thấy có 6,4% trả lời có thu nhập từ du lịch là cao; 11,8% khá cao; 10,2% trả lời trung bình; 16,7% không đáng kể; còn lại là hầu như không có thu nhập



từ du lịch (Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Văn Hóa, 2012). Điều này có thể do đặc điểm hoạt động du lịch tại các điểm tài nguyên khác nhau, tuy nhiên nếu so sánh 02 điểm tài nguyên đã được điều tra năm 2010 và 2016 là Cửa Đại (Hội An) và Lăng Cô (Thừa Thiên Huế) thì số hộ có thu nhập từ du lịch tăng vẫn còn rất chậm.

Số hộ không có thu nhập và thu nhập không đáng kể từ hoạt động du lịch vẫn chiếm phần lớn. Điều này do nhiều nguyên nhân nhưng một trong những lý do quan trọng nằm ở khâu tổ chức hoạt động DLST cộng đồng. Theo khảo sát của chúng tôi tại một số điểm tài nguyên như Bản Lắc (Hòa Bình), Bản Hồ (Sapa); Con Cuông (Nghệ An), Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Bình Thủy (Cần Thơ) v.v..., tại các điểm này đã có xây dựng các quy chế du lịch cộng đồng và ban quản lý địa phương. Tuy nhiên, việc tổ chức hoạt động DLST cộng đồng vẫn dựa trên công tác hỗ trợ và tuyên truyền cho các hộ có điều kiện để triển khai hoạt động kinh doanh du lịch. Hiện tại, vẫn chưa có mô hình nào ở nước ta được triển khai thành công nhằm phân chia lợi ích và lôi kéo các hộ khác ít có điều kiện được tham gia vào hoạt động du lịch như mô hình KSM của Indônêsi hay các mô hình quản lý du lịch cộng đồng ở Umphang (Thái Lan) v.v...

Về công tác đào tạo nghề cho cộng đồng thì theo điều tra trong số 314 hộ có đến 124 hộ (chiếm 39,5%) được tham gia đào tạo các nghề du lịch. Việc đào tạo nghề du lịch cho cộng đồng chủ yếu do sự tài trợ của các dự án JIKA Nhật Bản, Quỹ Châu Á, Tổ chức NGO v.v... và đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được Thủ tướng phê duyệt và triển khai thực hiện từ năm 2009. Riêng tại khu vực Lăng Cô, Bản Lắc số hộ được đào tạo nghề du lịch tương đối cao (trên 60% số hộ điều tra). Công tác đào tạo nghề cho cộng đồng chủ yếu là đào tạo nghiệp vụ lưu trú và phục vụ nhà hàng nhằm phục vụ loại hình “homestay” cho du khách, các nghề khác như nấu ăn, hướng dẫn viên v.v... chiếm tỷ lệ rất thấp. Đặc biệt, qua khảo sát thực tế của chúng tôi thì việc đào tạo nghề để phát triển nghề thủ công truyền thống và lôi kéo doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề du lịch cho cộng đồng vẫn chưa được thể hiện rõ nét.

Trong phần tìm hiểu việc thu hút người địa phương vào làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, kết quả tổng hợp số liệu tại 12 khu du lịch tại miền Trung và 06 khu du lịch tại miền Bắc và miền Nam từ năm 2014 đến 2016 cho thấy: có 03 khu du lịch thu hút người địa phương vào làm việc tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân giao động từ 1,18 đến 1,36 lần (*tùy từng doanh nghiệp*). Còn tại nhiều đơn vị du lịch khác mà chúng tôi tìm hiểu, thì tỷ lệ này đang còn thấp do nhiều nguyên nhân như *khó khăn trong việc tuyển dụng lao động địa phương do hạn chế về trình độ, hạn chế về nguồn kinh phí đào tạo v.v...*

Qua kết quả điều tra mặc dù có thể chưa đầy đủ hết các mặt về thực trạng DLST cộng đồng tại Việt Nam. Tuy nhiên, cũng phản ánh một phần bức tranh khái quát về hoạt động DLST ở Việt Nam vẫn chưa gắn với cộng đồng địa phương một cách rõ nét; Lợi ích mang lại cho cộng đồng chưa cao và chưa được phân phối đồng đều. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự hấp dẫn cũng như tính bền vững của hoạt động DLST. Từ thực tế trên, chúng tôi thiết nghĩ đã đến lúc chúng ta cần phải nghiên cứu, tập trung đầu tư cho việc phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại Việt Nam.

## **4.2. Bài học kinh nghiệm và đề xuất**

Từ thực tiễn kinh nghiệm triển khai DLST dựa vào cộng đồng tại các nước ASEAN và thực tế phát triển DLST cộng đồng tại nước ta, chúng tôi đưa ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất cho Việt Nam như sau:

### **4.2.1 Trao quyền rộng hơn cho cộng đồng trong việc quy hoạch du lịch sinh thái tại các điểm tài nguyên**

Việc xây dựng quy hoạch DLST tại các điểm tài nguyên ở Việt Nam nên đứng trên quan điểm trao quyền hạn với quy mô rộng cho địa phương. Để làm được điều này, quy hoạch DLST tại Việt Nam phải dựa trên nguyên tắc hướng đến cộng đồng. Cụ thể theo chúng tôi, quy hoạch phải dựa vào các nguyên tắc sau: (1) Có sự tham gia của cộng đồng địa phương; (2) Quy hoạch phải hướng đến việc bảo tồn tài nguyên và văn hóa cộng đồng; (3) Tận dụng tài nguyên vốn có và vật liệu của địa phương; (4) Thiết kế mô hình phù hợp với cảnh quan và đặc điểm của cộng đồng; (5) Tính đến sự bền vững lâu dài và đảm bảo lợi ích của cộng đồng.

### **4.2.2 Gắn kết lợi ích của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái**

Cần xây dựng các chính sách và cơ chế để cộng đồng địa phương có thu nhập thông qua việc: Khôi phục nghề truyền thống phục vụ du lịch, thuê người dân địa phương làm các nghề dịch vụ liên quan đến du lịch, khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm do địa phương sản xuất v.v... Trước mắt chúng tôi đề xuất cần nhanh chóng ban hành các “nguyên tắc chỉ đạo” cho DLST, trong đó có các nguyên tắc bảo vệ lợi ích cho cộng đồng như: (i) Mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương; (ii) Bảo tồn các giá trị văn hóa-xã hội của cộng đồng; (iii) Gia tăng phúc lợi cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra, cần có cơ chế và khuyến khích các doanh nghiệp mang lại lợi ích cho cộng đồng thông qua các chính sách giảm thuế, chính sách ưu đãi đầu tư v.v...

Bên cạnh đó cũng cần phải đẩy mạnh đào tạo nghề cho cộng đồng và giáo dục nâng cao ý thức cho cộng đồng trong việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường thông qua các hình thức như: *tuyên truyền vận động, phát động các phong trào bảo vệ môi trường, phân phát ấn phẩm...* nhằm làm cho cộng đồng có trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên và ủng hộ hoạt động du lịch.

### **4.2.3 Xây dựng các mô hình quản lý du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng phù hợp**

Cần nghiên cứu các mô hình trên thế giới và thực tế tại Việt Nam để xây dựng các mô hình quản lý phù hợp với đặc thù từng khu vực, từng điểm tài nguyên. Chúng tôi đề xuất phương án đối với các khu thiên nhiên hoang dã, khu bảo tồn, vườn quốc gia v.v... nên tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân (Participatory approach). Trước mắt, có thể xem xét thành lập thí điểm các ban quản lý cộng đồng do người dân bầu ra tại một số khu vực, điểm tài nguyên để điều hành hoạt động tại các khu vực này. Điều này không chỉ mang lại lợi ích mà còn nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc phát triển hoạt động du lịch và bảo vệ nguồn tài nguyên khu vực.

#### 4.2.4 Hỗ trợ công tác đào tạo nghề cho cộng đồng phục vụ du lịch sinh thái

Nhằm nâng cao vai trò và sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLST, cần có sự tham gia của nhà nước, các ban ngành, doanh nghiệp trong việc hỗ trợ và nâng cao công tác đào tạo nghề cho cộng đồng địa phương. Việc đào tạo, hỗ trợ cộng đồng tại các điểm tài nguyên rất cần các khóa đào tạo như *hướng dẫn viên địa phương, nấu ăn và phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch, đào tạo nghề thủ công truyền thống phục vụ du lịch...* Đặc biệt cần có sự hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào công tác này.

#### 4.2.5 Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, các tổ chức đối với cộng đồng địa phương

Cần có các chính sách cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào hoạt động DLST. Cần có quy định cụ thể để khuyến khích các khu du lịch, khách sạn, khu giải trí v.v...do các doanh nghiệp đầu tư tại các điểm tài nguyên mang lại lợi ích cho cộng đồng (Beneficial approach) như *tiếp nhận con em địa phương vào làm việc, sử dụng các sản phẩm địa phương, phát triển các sản phẩm phục vụ du khách do cộng đồng phục vụ (biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hướng dẫn nấu món ăn địa phương, dạy nghề thủ công...)* v.v...

#### 4.2.6 Một số công tác khác

Nhà nước và các địa phương trong vùng cần có chính sách đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho DLST cũng như hỗ trợ công tác nghiên cứu tài nguyên, hỗ trợ phát triển các nghề thủ công truyền thống của cộng đồng địa phương v.v... Bên cạnh đó cần làm tốt các mặt công tác khác như *công tác quảng bá cho DLST, phát triển các sản phẩm, dịch vụ DLST gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa truyền thống của địa phương v.v...*

### 5. Kết luận

Phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng sẽ góp phần tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch tại Việt Nam. Để làm được điều này, từ kinh nghiệm của các nước ASEAN và thực tế ở Việt Nam, chúng ta cần làm tốt và việc thực hiện đồng bộ các mặt từ công tác quy hoạch gắn với cộng đồng, đẩy mạnh việc mang lại lợi ích của cộng đồng trong phát triển DLST, tổ chức các mô hình quản lý phù hợp, công tác đào tạo nghề cho cộng đồng, nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với cộng đồng và các mặt công tác khác. Điều này sẽ góp phần vào việc phát triển hoạt động DLST tại Việt Nam trở nên bền vững hơn và đạt được những mục tiêu đề ra, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch nước nhà.

## Tài liệu tham khảo

1. Dalem, Anak Agung Gde Raka (2002), “Ecotourism in Indonesia, Chapter Ten”, *Linking green productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO - Tokyo.
2. Manurung, Ricardo (2002), “Ecotourism in Indonesia”, *Linking green productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO - Tokyo.
3. Nguyễn Quyết Thắng (2010), “Indônêsiã – Phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, Số 6/2010, tr 38 - 40.
4. Nguyễn Quyết Thắng và Nguyễn Văn Hóa (2012), “Thực tiễn phát triển du lịch sinh thái cộng đồng – Bài học kinh nghiệm cho vùng du lịch Bắc Trung Bộ”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, Số 257 (3/2012), tr 3- 10.
5. Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh (2012b), “Nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch sinh thái của du khách tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Số 175 (II), tháng 01/2012, 46 – 53.
6. Responsible Ecological Social Tours Project (REST) (1997), “Community-based Tourism: Principles and Meaning”, *Community-based Tourism Handbook*, Thailand: <http://mekongtourism.org/website/wp-content/uploads/downloads/2011/02/CBT-Handbook-Principles-and-Meanings-by-CBT-I-Thailand.pdf> (truy cập 12/9/2016).
7. Sproule, Keith W., và Suhandi, Ary S., (1998), “Các nguyên tắc chỉ đạo cho các chương trình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng - Những bài học từ Indônêsiã” - *DLST - Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập1, Cục Môi trường, Hà Nội.
8. Su Mao (2008), *Case study of CBET in Koh Pdao and Sampin*, Web: <http://www.crdt.org.kh/wp-content/uploads/2012/02/Case-Study-Community-based-ecotourism-in-Koh-Pdao.pdf>, truy cập ngày 12/2/2017.
9. Thavarasukha, Vunsadet (2002), “Ecotourism Case Studies in Thailand”, *Linking green productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO - Tokyo.
10. Trần Thị Mai (2005), *Du lịch cộng đồng - du lịch sinh thái*, *Tài liệu hướng dẫn do tổ chức Panda và WWF Greater Mekong phát hành 11/2005*, Huế.
11. Yasak, Mohd Nawayai (1998), “Development of ecotourism in Malaixia”, Report of Department of Wildlife and National Park Malaixia, Malaysia.